

Phần 15. BỆNH TIÊU HÓA, TỖ VẬN

331. **Tỳ hư không tiêu được cốc loại:** *Tỳ du, Bàng quang du.*
332. **Tỳ vị hư nhược, cảm thấp thành mệt yếu, mồ hôi ra nhiều, ăn uống trở ngại:** *Tam lý, Khí xung (đều chích máu).*
333. **Huyết hấp trùng làm cho gan lách sưng to:** *Chương môn, Kỳ môn, Bĩ căn, Vị du.*
334. **Không thể nằm:** *Khí xung, Chương môn.*
335. **Bụng trướng:** *Vị thương huyết, Khí hải thấu Trung cực.*
336. **Bụng rắn cứng:** *Âm lảng tuyền, Địa cơ, Hạ quản.*
337. **Trướng tức, nôn mửa, phiền muộn, ăn không xuống:** *Chương môn, Khí hải (đều cứu).*
338. **Cổ trướng:** *Trung phong, Tứ mẫn.*
339. **Phù thũng:** *Âm lảng tuyền, Thủy phân.*
340. **Các chứng đàm ẩm:** *Trung quản, Phong long.*
341. **Thũng thũng, khí trướng mẫn:** *Phục lưu, Tê trung (Thần khuyết).*
342. **Bệnh lâu ngày suy nhược:** *Cao hoang du, Quan nguyên, Túc tam lý (đều cứu).*
343. **Hay ợ:** *Thương khâu, U môn, Thông cốt.*
344. **Nôn mửa:** *Trung quản, Khí hải, Chiên trung.*
345. **Nôn ra máu:** *Khúc tri, Thần môn, Ngự tế.*
346. **Nhổ bọt ra máu:** *Khổng tối, Khúc trạch, Phế du.*
347. **Tiêu hóa kém:** *Tỳ du, Vị du.*
348. **Tiêu hóa không tốt:** *Túc tam lý, Hợp cốt, Thiên khu, Quan nguyên.*
349. **Tiêu hóa kém:** *Bàng quang du, Tỳ du.*